**TÀI LIỆU HỌP BÁO***(Ngày 16/8/2019)*

**Về Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng**

**Xây dựng - Chuyển giao (gọi tắt là Dự án BT)**

**I. Tổng quan về việc ban hành Nghị định**

**1. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết ban hành Nghị định BT**

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Theo đó, tại điểm d khoản 4 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc sử dụng tài sản công để tham gia dự án theo hình thức đối tác công tư, sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao.

Theo quy định trước đây về cơ chế thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao (Dự án BT) tại Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 183/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính thì chỉ có một hình thức thanh toán bằng quỹ đất cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 thì ngoài việc thanh toán bằng quỹ đất cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao (Điều 117), nhà nước cho phép sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (khoản 1 Điều 44).

Đồng thời, theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, kể từ ngày 01/7/2016 trở đi, thủ tục hành chính không được quy định tại Thông tư cấp Bộ. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện cơ chế Nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao theo quy định trước đây có phát sinh vướng mắc.

Từ thực tiễn nêu trên và triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, việc Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao là cần thiết.

**2. Nguyên tắc xây dựng dự thảo Nghị định BT**

- Bám sát nội dung quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

- Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản Nghị định theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

- Kế thừa các quy định trước đây (Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 183/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính) đã áp dụng ổn định, phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và tình hình thực tế; sửa đổi các nội dung không còn phù hợp với thực tế và quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đối với những nội dung quy định đã và đang thực hiện hiệu quả thì tiếp tục kế thừa quy định tại Nghị định này; một số nội dung quy định mới nhằm kịp thời hướng dẫn, tổ chức thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

**-** Nghị định này chỉ quy định về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án BT; Việc lập, thẩm định, phê duyệt và công bố danh mục dự án; tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư; đàm phán, ký kết Hợp đồng Dự án BT... được thực hiện theo quy định của pháp luật xây dựng, đầu tư, đối tác công tư, đầu thầu.

**II. Nội dung cơ bản của Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao:**

Nghị định gồm 03 Chương với 19 Điều với các nội dung cơ bản sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

***a) Phạm vi điều chỉnh***

Căn cứ quy định của Luật Quản lý và sử dụng tài sản công thì dự thảo Nghị định này quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng BT. Như vậy so với quy định hiện hành về cơ chế thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện Dự án BT thì ngoài cơ chế thanh toán bằng quỹ đất được kế thừa từ Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg thì tại Nghị định này quy định bổ sung thêm việc sử dụng một số loại tài sản công khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT, cụ thể các tài sản công được sử dụng để thanh toán bao gồm:

(i) Quỹ đất;

(ii) Đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất (trụ sở làm việc) của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (cơ quan, tổ chức, đơn vị);

(iii) Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

(iv) Các loại tài sản công khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

***b) Đối tượng áp dụng***

Cơ bản kế thừa quy định trước đây (Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 183/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính), gồm:

(i) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng BT;

(ii) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ủy quyền ký kết Hợp đồng BT hoặc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, đàm phán, ký kết Hợp đồng BT và thực hiện Hợp đồng BT (Cơ quan được ủy quyền);

(iii) Nhà đầu tư thực hiện Hợp đồng BT (Nhà đầu tư);

(iv) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Dự án BT.

**2. Nguyên tắc thanh toán Dự án BT bằng tài sản công**

Căn cứ quy định tại Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, tại Nghị định này quy định nguyên tắc sử dụng tài sản công thanh toán Dự án BT như sau:

(1) Việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện Dự án BT phải đảm bảo: (i) Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, ngân sách nhà nước, đầu tư, xây dựng; (ii) Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án BT theo hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định của pháp luật về đấu thầu; (iii) Chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

(2) Việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án BT được thực hiện theo nguyên tắc ngang giá, giá trị Dự án BT tương đương với giá trị tài sản công thanh toán. Theo đó: (i) Giá trị tài sản công được xác định theo giá thị trường theo quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán; (ii) Giá trị Dự án BT được xác định theo kết quả đấu thầu.

(3) Việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT phải được tổng hợp, phản ánh vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

(4) Thời điểm thanh toán Dự án BT đối với trường hợp thanh toán bằng quỹ đất hoặc trụ sở làm việc là thời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất cho Nhà đầu tư; Thời điểm thanh toán Dự án BT đối với trường hợp thanh toán bằng tài sản kết cấu hạ tầng và các loại tài sản công khác là thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định giao tài sản cho Nhà đầu tư.

(5) Khoản lãi vay trong phương án tài chính của Hợp đồng BT đối với phần giá trị công trình Dự án BT hoàn thành theo tiến độ chấm dứt kể từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, giao tài sản cho Nhà đầu tư.

(6) Việc giao tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án BT được thực hiện sau khi Dự án BT hoàn thành hoặc thực hiện đồng thời tương ứng với khối lượng xây dựng công trình Dự án BT hoàn thành theo tiến độ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

**3. Về xác định giá trị Dự án BT**

Kế thừa quy định trước đây về xác định giá trị Dự án BT, tại Nghị định này quy định: (i) Giá trị Dự án BT ghi tại Hợp đồng BT để thanh toán được xác định theo kết quả đấu thầu và không thay đổi kể từ ngày Hợp đồng BT được ký kết, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép điều chỉnh quy mô, thiết kế kỹ thuật, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng của Dự án BT, khoản lãi vay trong phương án tài chính của Hợp đồng BT theo đúng quy định của pháp luật dẫn đến thay đổi giá trị Dự án BT; (ii) Giá trị Dự án BT để thanh toán là giá trị Dự án BT được quyết toán theo quy định của pháp luật.

**4. Về việc** **sử dụng tài sản công là quỹ đất để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án BT**

***a) Quỹ đất thanh toán cho Nhà đầu tư***

Việc sử dụng quỹ đất thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT trong thời gian qua về cơ bản đã phát huy được hiệu quả thông qua việc huy động các nguồn lực của khu vực tư nhân và việc cung cấp các dịch vụ công, giảm áp lực lên nguồn ngân sách nhà nước. Tiếp tục kế thừa và phát huy hiệu quả của cơ chế thanh toán Dự án BT bằng quỹ đất, tại Nghị định này quy định 02 nhóm quỹ đất được sử dụng để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án BT, bao gồm: Đất chưa giải phóng mặt bằng và đất đã giải phóng mặt bằng. Nhà nước thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của pháp luật đất đai để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án BT.

Đồng thời, việc lựa chọn quỹ đất thanh toán cho Nhà đầu tư phải đảm bảo đúng quy định như sau: (i) Đất thuộc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; (ii) Việc thu hồi đất đối với quỹ đất thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật về đất đai; (iii) Trường hợp sử dụng quỹ đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi quyết định chủ trương đầu tư Dự án.

***b) Xác định giá trị quỹ đất thanh toán***

- Giá trị quỹ đất thanh toán là tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê được xác định theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; đồng thời, không thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi xác định giá trị quỹ đất thanh toán.

- Giá trị quỹ đất thanh toán được xác định tương đương với giá trị Dự án BT và không thay đổi kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định; trừ Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng theo đúng quy định của pháp luật dẫn đến thay đổi giá trị quỹ đất thanh toán;

- Giá trị quỹ đất thanh toán thực tế là giá trị quỹ đất thanh toán sau khi đã được điều chỉnh theo các Phụ lục Hợp đồng BT và đảm bảo ắc nguyên tắc ngang giá, giá trị Dự án BT tương đương với giá trị tài sản công thanh toán.

**5. Về việc sử dụng trụ sở làm việc để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT**

***a) Về xác định giá trị trụ sở làm việc***

- Giá trị trụ sở làm việc thanh toán Dự án BT là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị của tài sản trên đất xác định tại thời điểm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai; đồng thời, không thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi xác định giá trị trụ sở làm việc thanh toán;

- Giá trị trụ sở làm việc để thanh toán Dự án BT được xác định tại thời điểm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và không thay đổi kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định tại thời điểm ký Hợp đồng BT, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng theo đúng quy định của pháp luật dẫn đến thay đổi giá trị trụ sở làm việc thanh toán.

- Giá trị trụ sở làm việc thanh toán thực tế là giá trị trụ sở làm việc thanh toán sau khi đã được điều chỉnh theo các Phụ lục Hợp đồng BT.

***b) Về thẩm quyền quyết định sử dụng trụ sở làm việc để thanh toán Dự án BT***

- Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý, sử dụng tài sản công, đặc biệt đối với các loại tài sản công có giá trị lớn như trụ sở làm việc; đồng thời, phù hợp với Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, tại Nghị định này quy định việc sử dụng trụ sở làm việc để thanh toán Dự án BT thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

- Việc thanh toán Dự án BT bằng trụ sở làm việc thực hiện tương tự như đối với trường hợp thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT bằng quỹ đất.

**6. Về việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT**

***a) Về xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng***

- Giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thanh toán Dự án BT là giá trị quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và pháp luật có liên quan.

- Giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thanh toán Dự án BT được xác định tại thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định giao tài sản cho Nhà đầu tư và không thay đổi kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định; trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

***b) Thẩm quyền sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thanh toán Dự án BT***

Tương tự đối với trường hợp sử dụng trụ sở làm việc để thanh toán Dự án BT, tài sản kết cấu hạ tầng là loại tài sản công có giá trị lớn, vì vậy để thống nhất trong quản lý, sử dụng tài sản công, tại Nghị định này quy định việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thanh toán Dự án BT thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, pháp luật có liên quan và được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

- Việc thanh toán Dự án BT bằng Giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện tương tự như đối với trường hợp thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT bằng quỹ đất.

**7. Về việc thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT bằng tài sản công khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công**

 Theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được số 15/2017/QH14 được Quốc hội Khóa XIV ký thông qua tại kỳ họp thứ 3 ngày 21/6/2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) ngoài các loại tài sản công được sử dụng để thanh toán Dự án BT nêu trên (Quỹ đất; trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Tài sản kết cấu hạ tầng) thì việc sử dụng tài sản công phục vụ công tác quản lý để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án BT là 01 trong 08 hình thức xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (khoản 4 Điều 40, khoản 1 Điều 62, khoản 1 Điều 66, khoản 2 Điều 68); đồng thời trong thực tế có phát sinh một số trường hợp dùng tài sản công khác (quyền khai thác quảng cáo 02 bên đường, tài sản khác gắn với các công trình chuyển giao cho Nhà đầu tư…). Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, tại Nghị định này quy định về nguyên tắc việc sử dụng tài sản công khác để thanh toán cho Nhà đầu tư thưc hiện Dự án BT như sau:

(1) Việc xác định giá trị tài sản công khác để thanh toán Dự án BT thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan; đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định này.

(2) Việc sử dụng tài sản công khác để thanh toán Dự án BT thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan và được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của Bộ, ngành, địa phương quản lý tài sản công.

**8. Lập dự toán, hạch toán kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước đối với tài sản công thanh toán dự án BT**

a) Về việc lập dự toán ngân sách nhà nước

- Giá trị tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện Dự án BT được ghi trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm trình cấp có thẩm quyền quyết định và giao dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Giá trị tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện Dự án BT được dự toán thu về giá trị tài sản công trong ngân sách nhà nước. Giá trị Dự án BT được dự toán chi về đầu tư phát triển trong ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước.

- Ngân sách trung ương ghi dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đối với tài sản công thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương ghi dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đối với tài sản công thuộc địa phương quản lý.

b) Việc hạch toán kế toán thu, chi ngân sách nhà nước đối với giá trị tài sản công thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án BT được thực hiện dưới hình thức ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.

**9. Điều khoản xử lý chuyển tiếp**

a) Đối với các Hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất, trụ sở làm việc cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT đã được ký kết theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký Hợp đồng BT trước ngày 01/01/2018 mà chưa hoàn thành việc thanh toán cho Nhà đầu tư thì tiếp tục thực hiện việc thanh toán theo nội dung Hợp đồng BT đã ký kết.

Trường hợp các nội dung liên quan đến việc thanh toán chưa được quy định rõ trong Hợp đồng BT thì áp dụng các quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm thanh toán. Theo đó:

- Việc xác định giá trị Dự án BT phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật có liên quan.

- Việc sử dụng quỹ đất, trụ sở làm việc để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai

- Giá trị quỹ đất, trụ sở làm việc để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT đảm bảo nguyên tắc ngang giá (giá trị quỹ đất, trụ sở làm việc thanh toán phải tương đương với giá trị Dự án BT) và được hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

b) Đối với các Hợp đồng BT được ký kết từ ngày 01/01/2018 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trong đó có điều khoản sử dụng tài sản công để thanh toán được thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và pháp luật có liên quan.

**9. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2019. Bãi bỏ Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ./.